**TÒA ÁN NHÂN DÂN**
**HUYỆN TÁNH LINH**
**TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **31**/2018/DSST.
Ngày: 30/7/2018.
V/v: *"Tranh chấp về đòi lại quyền sử dụng đất"*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÁNH LINH**
**TỈNH BÌNH THUẬN**

***- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Hạ Hải Hồ.

*Các hội thẩm nhân dân :* 1. Bà Bùi Thị Luyến.

2. Ông Lưu Xuân Vĩnh.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Hồng Ngọc Tú – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh tham gia phiên tòa:*** Bà Đinh Thị Vân Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2018, tại Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 08/2016/TLST-DS, ngày 18 tháng 02 năm 2016; về việc "Tranh chấp về đòi lại quyền sử dụng đất"; Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2018/QĐST-DS, ngày 12 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Ông Trịnh Văn L, sinh năm 1954; Có mặt.

*2. Bị đơn:* Ông Đoàn Bá Q, sinh năm 1965; Có mặt.

*3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Bà Lâm Thị Ngọc H, sinh năm 1961; Có mặt.

- Anh Trịnh Hoàng K, sinh năm 1984; Vắng mặt.

- Chị Trịnh Thị Hải Y, sinh năm 1987; Vắng mặt.

- Anh Trịnh Hải Â, sinh năm 1989; Vắng mặt.

- Chị Trịnh Thị Hải V, sinh năm 1991; Vắng mặt.

(Anh K, chị Y, anh Â và chị V đều có đơn xin xét xử vắng mặt)

- Bà Lê Thị Thu T, sinh năm 1966; Có mặt.

Cùng trú địa chỉ: Thôn 1, xã G, huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận.

*4. Người làm chứng:*

- Anh Bùi Quốc T, sinh năm 1982; Có mặt.

Địa chỉ: Thôn 1, xã G, huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Nguyên đơn - ông Trịnh Văn L yêu cầu:*

Ông Trịnh Văn L yêu cầu vợ chồng ông Đoàn Bá Q và bà Lê Thị Thu T phải chấm dứt hành vi lấn chiếm, trả lại cho gia đình ông Lại quyền sử dụng diện tích 417,3m$^2$ đất, có một phần thuộc thửa đất tại xã G, mang tên Trịnh Văn L và một phần thuộc suối tự nhiên được gia đình ông L khai phá, sử dụng nhưng chưa được cấp quyền sử dụng đất tại khu vực cánh đồng thôn 1, xã G.

Căn cứ khởi kiện: Ngày 20/8/1996, gia đình ông L được cấp quyền sử dụng diện tích 2.750m$^2$ đất lúa thuộc xã G. Canh tác đến năm 2002, vợ chồng ông L chuyển nhượng cho vợ chồng ông Q, bà T diện tích 2.500m$^2$ đất trong tổng số 2.750m$^2$ đất lúa đã được cấp quyền sử dụng với giá 5.000.000 đồng, còn chừa lại diện tích 250m$^2$ để canh tác; hai bên chỉ viết giấy tay sang nhượng và giao tiền chứ chưa làm thủ tục chuyển nhượng theo quy định của pháp luật; quá trình chuyển nhượng có ra thực địa chỉ ranh mốc giao đất. Trong quá trình sử dụng phần diện tích đất đã nhận chuyển nhượng, vợ chồng ông Q đã lấn chiếm phần diện tích đất còn thừa và diện tích đất của vợ chồng ông L khai phá thêm ở vùng suối tự nhiên. Quá trình hòa giải tại UBND xã G, khi vợ chồng ông Q giao giấy sang nhượng viết tay ra thì vợ chồng ông L mới biết diện tích đất thể hiện trong giấy đã bị vợ chồng ông Q sửa thành 2.750m$^2$. Kết quả đo đạc trên thực tế xác định phần diện tích đất vợ chồng ông Q lấn chiếm của vợ chồng ông L là 417,3 m$^2$. Ngoài ra, ông L còn yêu cầu tính toán chi phí đo đạc, định giá mà ông L đã bỏ ra trong quá trình giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Chứng cứ ông L cung cấp để chứng minh: Bản sao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, biên bản hòa giải tranh chấp đất đai của UBND xã G, trích lục bản đồ địa chính, bản sao chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu.

*Bị đơn - ông Đoàn Bá Q trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:*

Ông Q không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông L. Ông Q công nhận vào năm 2002, vợ chồng ông Qn có nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của vợ chồng ông L; hai bên có viết giấy tay, giao số tiền nhận chuyển nhượng là 5.000.000 đồng và chỉ dẫn, bàn giao đất trên thực địa nhưng chưa làm thủ tục chuyển nhượng theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, ông Q xác định diện tích đất nhận chuyển nhượng là 2.750m$^2$ chứ không phải là 2.500m$^2$ như lời trình bày của vợ chồng ông L. Ông Q xác định không lấn chiếm quyền sử dụng đất của vợ chồng ông L vì quá trình sử dụng đất sau chuyển nhượng đều có ông L chỉ dẫn, xác định vị trí ranh mốc. Ông Q khẳng định diện tích đã nhận chuyển nhượng bao nhiêu thì sử dụng bấy nhiêu; thực tế qua đo đạc nếu phần diện tích đất ông Q đang sử dụng có dư so với diện tích đã nhận chuyển nhượng thì ông Q sẵn sàng trả lại cho vợ chồng ông L.

Ông Q cung cấp tài liệu, chứng cứ: Giấy sang nhượng ruộng ngày 01/02/2002; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ Phan P.

*Những người có quyền và nghĩa vụ liên quan trình bày:*

+ *Bà Lâm Thị Ngọc H trình bày:* Bà H là vợ của ông Trịnh Văn L. Bà H đồng ý với các yêu cầu và căn cứ khởi kiện của ông L bởi vì bà H xác định diện tích đất lúa vợ chồng bà H chuyển nhượng cho vợ chồng ông Q năm 2002 chỉ là 2.500m$^2$; giấy sang nhượng chính do bà H viết giao bên vợ chồng ông Q cất giữ nhưng đã bị vợ chồng ông Q chỉnh sửa thành diện tích 2.750m$^2$. Ngoài ra bà H không có yêu cầu độc lập gì trong vụ án.

+ *Bà Lê Thị Thu T trình bày:* Bà T là vợ ông Q. Bà thống nhất với ý kiến ông Q trình bày. Bà T xác định vợ chồng bà nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông L diện tích đất lúa là 2.750m$^2$ chứ không phải 2.500m$^2$; giấy sang nhượng đất ruộng do bà H viết chứ vợ chồng bà không chỉnh sửa. Ngoài ra, bà T không có yêu cầu độc lập trong vụ án.

+ *Anh Trịnh Hoàng K, chị Trịnh Thị Hải Y, anh Trịnh Hải Â, chị Trịnh Thị Hải V đều trình bày:* Anh K, chị Y, anh Â và chị V đều là con của ông L, bà H. Việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tranh chấp xảy ra giữa hai bên thì những người liên quan không biết, cũng không tham gia. Mọi vấn đề tranh chấp hiện nay đều do vợ chồng ông L quyết định chứ anh K, chị Y, anh Â và chị V không có ý kiến gì, cũng không có yêu cầu độc lập trong vụ án.

*Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh phát biểu ý kiến:*

- Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Quá kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi xét xử thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp và đúng tư cách pháp lý của người tham gia tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tiến hành lấy lời khai, thu thập chứng cứ, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho các đương sự về việc giải quyết vụ án. Gửi quyết định đưa vụ án ra xét xử, hồ sơ và các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát nghiên cứu, cấp tống đạt các văn bản tố tụng cho những người tham gia tố tụng đúng quy định của BLTTDS năm 2015.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của BLTTDS.

- *Quan điểm giải quyết vụ án:* Đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị buộc bị đơn phải chịu các khoản chi phí định giá, đo đạc. Miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn.

# NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nghe các đương sự trình bày; nghe tranh luận và nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh phát biểu ý kiến, quan điểm giải quyết vụ án. Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:*

*[1] Về thủ tục tố tụng:* Tại phiên Tòa hôm nay, những người có quyền, nghĩa vụ liên quan là anh Trịnh Hoàng K, chị Trịnh Thị Hải Y, anh Trịnh Hải Â và chị Trịnh Thị Hải V đều vắng mặt nhưng đã có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt anh K, chị Y, anh Â và chị V là phù hợp.

*[2] Về quan hệ tranh chấp trong vụ án:* Nguyên đơn - ông Trịnh Văn L khởi kiện yêu cầu bị đơn - ông Đoàn Bá Q phải trả lại quyền sử dụng đất có diện tích khoảng 417,3m$^2$ đã bị ông Q lấn chiếm. Bị đơn - ông Q không đồng ý trả lại quyền sử dụng đất theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó HĐXX thấy có đủ cơ sở để xác định quan hệ tranh chấp cần giải quyết trong vụ án này là *"Tranh chấp về đòi lại quyền sử dụng đất"* là phù hợp với quy định tại khoản 2 và khoản 9, Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự và các Điều 255, 256 Bộ luật dân sự 2005.

*[3] Xét yêu cầu khởi kiện trả lại quyền sử dụng đất của nguyên đơn - ông Trịnh Văn Lại:*

Tại phiên Tòa, ông Trịnh Văn L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, buộc ông Đoàn Bá Q phải trả lại quyền sử dụng diện tích đất 417,3m$^2$, tại xã G và một phần thuộc suối tự nhiên được gia đình ông L khai phá, sử dụng nhưng chưa được cấp quyền sử dụng đất; có vị trí phía bắc và phía tây giáp đất của ông L; phía đông và phía nam giáp đất ông Q đang sử dụng (được thể hiện là phần gạch sọc từ các điểm có tọa độ 1-2-3-4-16-1 trong mảnh trích lục bản đồ địa chính số 46-2018, ngày 19/4/2018 do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Tánh Linh đo vẽ). Căn cứ khởi kiện là ông L có quyền sử dụng đất diện tích 2.750m$^2$ tại cánh đồng xã G; năm 2002, vợ chồng ông L chuyển nhượng cho vợ chồng ông Q diện tích 2.500m$^2$, có vị trí phía bắc, đông và tây giáp suối tự nhiên và phía nam giáp đất của ông Phan P; phần diện tích 250m$^2$ còn lại của thửa đất giáp với phần đất của gia đình thì ông L để lại sử dụng chứ không chuyển nhượng. Trong quá trình sử dụng đất, phần diện tích đất còn lại này đã bị ông Q lấn chiếm, dùng máy ủi đào mương để nhập chung với phần diện tích mà ông L đã chuyển nhượng cho ông Q, từ đó mới dẫn đến tranh chấp. Chính tờ giấy sang nhượng đất ruộng năm 2002 do vợ chồng ông Q cung cấp đã thể hiện chữ viết nguyên mẫu diện tích chuyển nhượng là *"...2 sào 5 (hai sào rưỡi)..."* nhưng đã bị vợ chồng ông Q chỉnh sửa thành diện tích là *"...2 sào 750 (hai sào bảy 5 mươi)..."* với mục đích hợp thức hóa phần diện tích đất đã lấn chiếm của ông L. Trong khi đó, vợ chồng ông Q xác định khi nhận chuyển nhượng đất lúa của gia đình ông L thì giấy sang nhượng đất ruộng là do bên ông L viết và giao cho vợ chồng ông Q giữ; giấy viết như thế nào thì vẫn còn nguyên nội dung chứ vợ chồng ông Q không chỉnh sửa, tác động gì, nếu có chỉnh sửa thì đó là do bên ông L thực hiện trước khi giao giấy cho vợ chồng ông Q giữ; quá trình giải quyết vụ án vợ chồng ông Q đã yêu cầu giám định nội dung về diện tích đất có

phải bị chỉnh sửa hay không và do ai chỉnh sửa. Kết luận giám định số 284/KLGĐ-PC54, ngày 16/6/2016 của Phòng kỹ thuật Hình sự - Công an tỉnh Bình Thuận xác định nội dung thể hiện về số diện tích (viết bằng số cũng nhưng bằng chữ) trong giấy sang nhượng ruộng là có điền thêm và chỉnh sửa nhưng không kết luận được chữ đã điền thêm và chỉnh sửa so với với chữ viết còn lại trong giấy có phải do cùng một người viết ra hay không. Như vậy, từ kết luận giám định này đã có thể xác định được diện tích đất lúa nguyên thủy mà vợ chồng ông L chuyển nhượng cho vợ chồng ông Q theo như lời trình bày của ông L là **2.500m$^2$** chứ không phải là 2.750m$^2$ là có căn cứ.

*Tuy nhiên, xét về diện tích đất mà ông Q đang sử dụng theo kết quả đo đạc trên thực tế (mảnh trích lục bản đồ địa chính số 46-2018, ngày 19/4/2018 do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Tánh Linh đo vẽ) thấy rằng:*

Ngày 09/4/2018, dưới sự chỉ dẫn, xác định ranh mốc, vị trí của ông L và ông Q, có sự chứng kiến của đại diện Tòa án nhân dân huyện và cán bộ địa chính xã G thì phần diện tích đất mà ông L cho rằng đã chuyển nhượng cho ông Q vào năm 2002 là từ các mốc 4-5-6-7-8-9-10-11-12-13-14-15-16-4, có diện tích là **2.649m$^2$** (3.066m$^2$ diện tích tổng thể khu đất - 417m$^2$ phần bị cho là lấn chiếm) và phần đất bị lấn chiếm ông Q đang sử dụng là 417m$^2$ từ các mốc 1-2-3-4-16-1 (phần gạch sọc). Trong khi đó ông Q xác định diện tích đã nhận chuyển nhượng của ông L vào năm 2002 là **2.536m$^2$** (3.066m$^2$ diện tích tổng thể khu đất - 530m$^2$ diện tích chênh lệnh do chỉ ranh khác nhau), có vị trí từ các mốc 1-2-3-4-5-6-7-8-9-10-11-12-13-16-1, trong đó bao gồm cả 417m$^2$ (phần gạch sọc) mà ông L xác định là bị lấn chiếm. Theo kết quả đo đạc này thì việc xác định ranh mốc phần đất đã chuyển nhượng giữa hai bên có sự khác nhau:

Ông L cho rằng ranh giới thửa đất mà ông L chuyển nhượng cho ông Q ở phần phía nam giáp đất ông Phan P phải được tính từ mốc 15-16 (phần gạch nét liền trong sơ đồ trích lục) nhưng ông Q cho rằng ranh giới phía nam giáp ông P chỉ là từ mốc 13-16 (phần gạch nét đứt trong sơ đồ trích lục), từ sự xác định ranh mốc khác nhau này dẫn đến diện tích mỗi bên xác định bị chênh lệch là **530m$^2$;** ông L cho rằng diện tích 530m$^2$ này thuộc diện tích đã chuyển nhượng cho ông Q; tuy nhiên ông Q xác định phần diện tích này là thuộc thửa đất số 165, tờ bản đồ số 01 xã G được ông Q nhận chuyển nhượng từ ông Phan P chứ không phải thuộc diện tích thửa 164 mà ông L đã chuyển nhượng.

Từ lập luận của mỗi bên đã trình bày; căn cứ vào sơ đồ thửa đất trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông L, bản đồ giải thửa 299 của khu đất, trích lục bản đồ địa chính ngày 07/7/2014 đo vẽ theo yêu cầu của ông L khi giải quyết tranh chấp tại UBND xã G thì phần diện tích đất cạnh phía đông của thửa đất số 164, tờ bản đồ số 01 xã G có hình thể là góc nhọn nhưng theo sự chỉ dẫn ranh mốc của ông L ngày 09/4/2018 như mảnh trích lục bản đồ địa chính số 46-2018, ngày 19/4/2018 do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Tánh Linh đo vẽ thì cạnh phía đông (mốc 13-14-15) là góc vuông. Mặt khác, ông L trình bày diện tích đất tại thửa 164 đã chuyển nhượng cho ông Q chỉ còn chừa lại phần phía tây (bị lấn chiếm) chứ không còn phần nào khác; giáp ranh với thửa đất 164 là thửa 165 của ông Phan P chứ không phải đất của ông L. Như vậy, ông L cho rằng diện tích 530m$^2$ là đất thuộc quyền sử dụng của ông L tại thửa đất số 164, theo ranh mốc của ông L chỉ dẫn là không có căn cứ mà phần

đất này thuộc diện tích thửa đất số 165 của ông Phan P đã chuyển nhượng cho vợ chồng ông Q. Do đó, có thể xác định diện tích đất mà ông Q đã nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông L và đang sử dụng trên thực tế là **2.536m$^2$**, bao gồm cả phần diện tích đất mà vợ chồng ông L cho rằng bị lấn chiếm, được thể hiện từ mốc 1-2-3-4-5-6-7-8-9-10-11-12-13-16-1; diện tích này chênh lệnh không lớn (36m$^2$ - trong mức sai số đo đạc cho phép) so với diện tích 2.500m$^2$ mà ông L đã chuyển nhượng cho ông Q vào năm 2002 như đã nhận định ở trên. Ngoài ra, trong diện tích 417m$^2$ đất ông L yêu cầu ông Q trả theo như ông L công nhận có một phần thuộc suối tự nhiên, được gia đình ông L khai phá nhưng chưa được cấp quyền sử dụng nên ông L cũng không có căn cứ pháp lý để đòi lại quyền sử dụng của phần diện tích này.

Từ những phân tích, đánh giá như trên; Hội đồng xét xử nhận thấy không có căn cứ xác định ông Q lấn chiếm quyền sử dụng đất của ông L. Do đó yêu cầu khởi kiện vợ chồng ông Q phải trả lại diện tích 417m$^2$ đất của ông L không được chấp nhận. Vợ chồng ông Q không có yêu cầu phản tố gì đối với vợ chồng ông L trong vụ án nên Hội đồng xét xử không xem xét.

*[4] Về các yêu cầu khác trong vụ án:*

- Tại phiên Tòa, ông L còn yêu cầu giải quyết theo quy định của pháp luật khoản chi phí đo đạc (số tiền 2.211.000 đồng) và chi phí định giá tài sản (số tiền 1.200.000 đồng) mà L đã bỏ ra trong quá trình giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu khởi kiện của ông L không được chấp nhận nên ông L phải có nghĩa vụ chịu toàn bộ các chi phí về đo đạc và định giá là phù hợp với quy định tại các Điều 163, 164 và 165 Bộ luật Tố tụng dân sự. Số tiền ông L đã chi tạm ứng trong quá trình giải quyết vụ án được tính thành tiền chi phí đo đạc và định giá nên ông L không phải nộp thêm.

- Riêng về chi phí giám định chữ viết ông Q đã tạm ứng thì trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên Tòa, ông Q trình bày sẽ tự chịu khoản chi phí này chứ không yêu cầu ông L phải hoàn trả nên HĐXX không xem xét đến.

*[5] Về án phí:* Yêu cầu khởi kiện của ông L không được chấp nhận nên cần buộc ông L phải chịu án phí DS/ST đối với phần giá trị quyền sử dụng đất mà ông L yêu cầu ông Q phải trả lại. Tuy nhiên, ông L sinh năm 1954, tại thời điểm xét xử đã 64 tuổi; thuộc trường hợp người cao tuổi theo Điều 2 Luật Người cao tuổi nên ông L được miễn nộp tiền phí dân sự sơ thẩm theo điểm đ, khoản 1 Điều 12 và Điều 48 Nghị quyết 326/2016 về án phí, lệ phí Tòa án. Hoàn trả lại cho ông L tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

**Căn cứ vào:**

- Khoản 2, khoản 9 Điều 26; khoản 1 Điều 35; các Điều 146, 147, 163, 164, 165, 203; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Các Điều 255 và 256 BLDS 2005;

- Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án và Nghị quyết 326/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trịnh Văn L, về việc buộc vợ chồng ông Đoàn Bá Q, bà Lê Thị Thu T phải trả lại cho vợ chồng ông L quyền sử dụng diện tích 417m$^2$ đất.

- Buộc ông Trịnh Văn L phải chịu tiền chi phí đo đạc và chi phí định giá tài sản. Số tiền tạm ứng chi phí đo đạc và chi phí định giá ông L đã nộp được tính thành tiền chi phí đo đạc và chi phí định giá tài sản, ông L không phải nộp thêm.

***Về án phí:***

- Miễn nộp tiền án phí DSST cho ông Trịnh Văn L. Hoàn lại cho ông L số tiền 500.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số N. 0011241, ngày 18/02/2016 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tánh Linh.

Án xử sơ thẩm. Nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 30/7/2018. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết (Kèm theo bản án có mảnh trích lục bản đồ địa chính số 46-2018, ngày 19/4/2018 do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Tánh Linh đo vẽ. Đã giải thích quyền kháng cáo).

***Nơi nhận:***
- VKSND huyện Tánh Linh;
- Các đương sự……;
- Chi cục Thi hành án DS h.Tánh Linh;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Hạ Hải Hồ**